

**Số: 142/1997/QĐ-UB**

*Long xuyên, ngày 27 tháng 01 năm 1997*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành Bản Quy định về việc phân định nguồn thu - nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh An Giang.

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước đã được Quốc Hội thông qua ngày 20/03/1996;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành việc phân cấp quản lý, chấp hành và quyết toán Ngân sách Nhà nước số 87/CP ngày 19/12/1996;
- Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh khoá V tại kỳ họp thứ năm từ ngày 23 đến 25/01/1997 về nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước tỉnh An Giang năm 1997.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bản quy định về việc phân định nguồn thu - nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh An Giang.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1997.

Các văn bản đã ban hành trước đây trái với bản quy định ban hành kèm theo quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3:** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành cấp Tỉnh; Chủ tịch UBND các Huyện, Thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- TT Tỉnh uỷ (để báo cáo)
- TT HĐND tỉnh (để báo cáo)
- Các thành viên UBND tỉnh
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh
- Như điều 3
- Lưu.

Đã ký

**Nguyễn Minh Nhị**

*Long xuyên, ngày 27 tháng 01 năm 1997*

## **BẢN QUY ĐỊNH**

### ***Về việc phân định nguồn thu - nhiệm vụ chi của Ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh An Giang***

(Ban hành kèm theo Quyết định số : **142/QĐ-UB** ngày **27/01/1997**  
của UBND tỉnh An Giang)

#### **CHƯƠNG I:**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1:** Những điều tại bản quy định này được áp dụng thống nhất chung cho ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh An Giang bao gồm:

- Ngân sách cấp Tỉnh;
- Ngân sách cấp Huyện, Thị xã (gọi chung là ngân sách cấp Huyện);
- Ngân sách cấp Xã, Phường, Thị trấn (gọi chung là ngân sách cấp Xã).

**Điều 2:** Các nguồn thu được phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa Ngân sách cấp Tỉnh, ngân sách cấp Huyện, ngân sách cấp Xã là: thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế doanh thu, thuế lợi tức của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và được áp dụng cùng một tỷ lệ phần trăm đối với từng cấp ngân sách;

**Điều 3:** Đối với nguồn thu và nhiệm vụ chi của Ngân sách Trung ương do Trung ương quyết định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của bản quy định này.

**Điều 4:** Phân định nguồn thu - nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp phải tạo cho từng đơn vị ngân sách phát huy tính chủ động sáng tạo trong việc điều hành quản lý ngân sách, tiết kiệm chi tiêu ngân sách, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời phải đặc biệt quan tâm đến tính thống nhất thực hiện chính sách chế độ thu chi tài chính nói chung và thu chi ngân sách nói riêng.

**Điều 5:** Phân cấp quản lý ngân sách phải được thực hiện nghiêm túc luật ngân sách và các văn bản dưới Luật, có tính đến thực tiễn của từng địa phương, song phải tạo cho đơn vị tinh thần tự lực không ỷ lại vào ngân sách cấp trên.

**Điều 6:** Giao chỉ tiêu thu – chi ngân sách cho các đơn vị và công bố tỷ lệ điều tiết phải đảm bảo công khai và cụ thể.

**Điều 7:** Phân định nguồn thu - nhiệm vụ chi ngân sách cho các Huyện, Xã phải đảm bảo tính thống nhất tập trung quản lý của Ngân sách Tỉnh, nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu phục vụ cho nhiệm vụ trọng tâm trong phạm vi toàn tỉnh.

## ***CHƯƠNG II:***

### **NGUỒN THU - NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

**Điều 8:** Nguồn thu của Ngân sách tỉnh gồm:

1- Các khoản thu 100%:

- a. Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đối với các doanh nghiệp kể cả doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài;
- b. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp Tỉnh quản lý;
- c. Lệ phí trước bạ do cấp Tỉnh quản lý;
- d. Các khoản thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết;
- đ. Viện trợ không hoàn lại bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp Tỉnh theo quy định của pháp luật;
- e. Thuế chuyển quyền sử dụng đất do cơ quan cấp Tỉnh quản lý;
- g. Thuế nhà đất do cơ quan cấp Tỉnh quản lý;
- h. Tiền sử dụng đất do cơ quan cấp Tỉnh quản lý;
- i. Các khoản phí và lệ phí do đơn vị cấp Tỉnh quản lý;
- k. Huy động của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;
- l. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Ngân sách cấp Tỉnh;
- m. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của Tỉnh;
- n. Thu từ sự nghiệp của các đơn vị do cơ quan cấp Tỉnh quản lý;
- o. Thu tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước;
- p. Thu kết dư Ngân sách cấp Tỉnh;
- q. Các khoản thu khác được quy định để lại cho Ngân sách Tỉnh như: Học phí, viện phí, thu nhượng quyền khai thác tài nguyên, phụ thu tiền điện, các khoản phụ thu khác do cấp Tỉnh quy định; thu phạt từ kết quả xử lý vi phạm hành chính theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính do cơ quan cấp Tỉnh quản lý; thu phạt từ kết quả xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định 36/CP...

r. Thu bổ sung từ Ngân sách Trung ương.

2- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa Ngân sách Trung ương và Ngân sách cấp tỉnh:

a. Thuế doanh thu (không kể thuế doanh thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết);

b. Thuế lợi tức (không kể thuế lợi tức của các đơn vị hạch toán toàn ngành; thuế lợi tức thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết);

c. Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

d. Thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư vào Việt Nam;

đ. Thuế tài nguyên;

e. Thuế sử dụng vốn ngân sách của các Doanh nghiệp Nhà nước (trừ doanh nghiệp Xổ số kiến thiết).

3- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa Ngân sách cấp Tỉnh với Ngân sách cấp Huyện và Ngân sách cấp Xã:

a. Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b. Thuế doanh thu của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh;

c. Thuế lợi tức của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

**Điều 9:** Nhiệm vụ chi của Ngân sách cấp Tỉnh gồm:

1- Chi thường xuyên về:

a. Chi sự nghiệp giáo dục toàn ngành;

b. Chi sự nghiệp đào tạo các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, các trường đào tạo khác thuộc cấp Tỉnh quản lý, đào tạo lại cán bộ cấp Tỉnh và các hình thức đào tạo khác do cấp Tỉnh tổ chức;

c. Chi sự nghiệp Y tế toàn ngành;

d. Chi sự nghiệp Văn hoá thông tin; Phát thanh truyền hình; Thể dục thể thao; Khoa học công nghệ và môi trường; Đảm bảo xã hội do cơ quan cấp Tỉnh quản lý;

đ. Chi sự nghiệp kinh tế do Tỉnh quản lý: sự nghiệp Lâm nghiệp; Nông nghiệp; Thủy lợi; Địa chính; Giao thông; Kiến thiết thị chính và các sự nghiệp kinh tế khác;

e. Chi quốc phòng, An ninh và trật tự an toàn xã hội do cấp Tỉnh quản lý;

g. Chi hành chính: bao gồm chi hoạt động của các cơ quan Nhà nước; cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam thuộc cấp Tỉnh quản lý;

h. Tài trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp cấp Tỉnh theo quy định của pháp luật;

i. Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho cấp Tỉnh quản lý;

k. Trợ giá theo chính sách Nhà nước;

l. Trả lãi tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 3, điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước;

m. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

## 2- Chi đầu tư phát triển:

a. Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do cấp Tỉnh quản lý;

b. Đầu tư, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công tích của Tỉnh.

3- Chi trả gốc tiền vay cho đầu tư theo quy định tại khoản 3 điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước.

4- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;

5- Chi bổ sung cho Ngân sách cấp dưới.

## **Điều 10:** Nguồn thu của Ngân sách cấp Huyện gồm:

### 1- Các khoản thu 100%:

a. Thuế môn bài (trừ thuế môn bài các hộ kinh doanh từ bậc 4 đến bậc 6);

b. Thuế trước bạ do cấp Huyện quản lý;

c. Các khoản phí và lệ phí từ hoạt động do các cơ quan đơn vị thuộc cấp Huyện quản lý;

d. Tiền thu từ hoạt động sự nghiệp của các đơn vị thuộc cấp Huyện quản lý;

đ. Viện trợ không hoàn lại bằng tiền hoặc bằng hiện vật của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp Huyện theo quy định của pháp luật;

e. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;

g. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho Ngân sách cấp Huyện;

h. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc quyền sở hữu Nhà nước do cấp Huyện quản lý;

i. Thuế chuyên quyền sử dụng đất do cơ quan cấp Huyện quản lý;

k. Thuế nhà đất do cơ quan cấp Huyện quản lý;

l. Tiền sử dụng đất do cơ quan cấp Huyện quản lý;

m. Thu kết dư Ngân sách cấp Huyện;

n. Thu bổ sung từ Ngân sách cấp Tỉnh;

o. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan đơn vị cấp Huyện quản lý (trừ khoản thu phạt từ kết quả xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định 36/CP).

2- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa Ngân sách cấp Tỉnh với Ngân sách cấp Huyện:

a. Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

b. Thuế doanh thu của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh;

c. Thuế lợi tức của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

**Điều 11:** Nhiệm vụ Chi của Ngân sách cấp Huyện gồm:

1- Chi thường xuyên về:

a. Các hoạt động sự nghiệp Văn hoá thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao, đảm bảo xã hội do Huyện quản lý; chi hoạt động đào tạo của các Trung tâm chính trị cấp Huyện, đào tạo lại cán bộ cấp Huyện và các hình thức đào tạo khác do cấp Huyện tổ chức;

b. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do Huyện quản lý: nông nghiệp, địa chính, thủy lợi, giao thông, kiến thiết thị chính;

c. Chi hoạt động quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội do cấp Huyện quản lý;

d. Chi hành chính: bao gồm chi hoạt động cơ quan Nhà nước, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam thuộc cấp Huyện quản lý;

đ. Tài trợ cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Huyện theo quy định của pháp luật;

e. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2- Chi đầu tư phát triển: chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của Tỉnh.

3- Chi bổ sung cho Ngân sách cấp Xã.

**Điều 12:** Nguồn thu của Ngân sách Xã gồm:

1- Các khoản thu 100%:

a. Thuế môn bài đối với các hộ kinh doanh có mức từ bậc 4 đến bậc 6;

b. Thuế sát sinh;

c. Các khoản phí, lệ phí và các khoản đóng góp cho Ngân sách Xã theo quy định của pháp luật;

d. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi của công sản khác;

đ. Tiền thu từ các hoạt động sự nghiệp do Xã quản lý;

e. Các khoản đóng góp tự nguyện cho Xã;

g. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức và cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Xã theo quy định của Pháp luật;

h. Thu kết dư năm trước của Ngân sách Xã;

i. Bổ sung từ Ngân sách cấp trên;

k. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan đơn vị cấp Xã quản lý (trừ khoản thu phạt từ kết quả xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định 36/CP).

2- Khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa Ngân sách cấp Tỉnh với ngân sách cấp Huyện và ngân sách cấp Xã:

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**Điều 13:** Nhiệm vụ chi của Ngân sách Xã gồm:

1- Chi thường xuyên về:

a. Hỗ trợ kinh phí bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo do Xã quản lý;

b. Hỗ trợ hoạt động y tế Xã;

c. Chi cho hoạt động Văn hoá thông tin, Thể dục thể thao, truyền thanh, công tác xã hội do Xã quản lý;

d. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do Xã quản lý: nông nghiệp, địa chính, thuỷ lợi, giao thông, kiến thiết chợ Xã;

đ. Chi hành chính: bao gồm chi hoạt động cơ quan Nhà nước, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam thuộc cấp Xã quản lý;

e. Tài trợ cho các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp cấp Xã theo quy định của pháp luật;

g. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội do cấp Xã quản lý;

h. Các khoản chi khác theo quy định của Pháp luật.

2- Chi đầu tư phát triển: đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo phân cấp của Tỉnh.

### **CHƯƠNG III:**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14:** Bản quy định này làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức lập, chấp hành và quyết toán Ngân sách của Ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh An Giang.

**Điều 15:** Quy trình lập, chấp hành, quyết toán Ngân sách thực hiện đúng theo Luật Ngân sách Nhà nước do Quốc Hội đã thông qua và các văn bản của Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ khác đã ban hành.

**Điều 16:** Giám đốc Sở Tài chính-Vật giá, Giám đốc Sở Kế hoạch đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế theo chức năng chuyên ngành có văn bản hướng dẫn cụ thể để tổ chức thực hiện phù hợp với bản quy định này./-

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

Đã ký

**Nguyễn Minh Nhị**